

Số: /BC-C.Ty

Kon rẫy, ngày tháng năm 2023

**BÁO CÁO**  
**ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH**  
**DOANH NĂM 2022**

*(Lập theo biểu số 03 Ban hành kèm theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 04 năm 2021 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về Quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp)*

**I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022**

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch đối với các chỉ tiêu được thể hiện theo Bảng số 1;

- Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Thuận lợi:

+ Được sự quan tâm của chính quyền địa phương trong công tác quản lý bảo vệ rừng và các hoạt động kinh doanh của công ty;

+ Nguồn thu dịch vụ môi trường rừng đảm bảo duy trì tốt công tác quản lý bảo vệ rừng của công ty;

+ Đội ngũ cán bộ được đào tạo chuyên nghiệp phù hợp với loại hình công ty lâm nghiệp;

Khó khăn:

- Năm 2022, do ảnh hưởng của điều kiện thời tiết và do ảnh hưởng sau covid nên việc triển khai khai thác gỗ và khai thác nhựa thông còn chậm so kế hoạch đã được phê duyệt. Công tác bán đấu giá gỗ, nhựa còn nhiều vướng mắc, thời gian đấu giá kéo dài dẫn đến chậm tiến độ khai thác.

- Thị trường tiêu thụ nhựa thông giá bán giảm nên ảnh hưởng đến việc tiêu thụ, việc khai thác phải tạm dừng vì khai thác ra có thể bán với giá thấp sẽ bị lỗ nên chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch.

- Một số định mức trong lâm nghiệp còn tạm thời, không còn phù hợp với thực tế;

**BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
a)	Quản lý bảo vệ rừng	Ha	27.571,96	27.888,54	
b)	Khai thác gỗ rừng trồng	m <sup>3</sup>	4.000,00	1.533,95	
c)	Nhựa thông khai thác rừng trồng	Tấn	35,00	25,74	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	25,878	28,970	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,490	1,771	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1,192	1,483	
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	0,438	0,461	
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)	Tỷ đồng			
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)				
8	Tổng số lao động	Người	76	65	
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	8.260	9,221	
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	1,800	1,966	
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	6,460	7,255	

**Lưu ý:**

(\*) Công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước cung cấp thông tin các chỉ tiêu hợp nhất của mô hình công ty mẹ - công ty con.

**II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.**

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt: **Công ty không đầu tư các dự án từ Nhóm B trở lên.**

**BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP**

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
	Dự án quan trọng quốc gia						
	Dự án nhóm A						
	Dự án nhóm B						

2. Các khoản đầu tư tài chính: **Công ty không đầu tư tài chính.**

### III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON.

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3: **Công ty chưa thành lập công ty con.**

**BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NẮM CỔ PHẦN CHI PHỐI**

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
<b>1</b>	<b>Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ</b>									
1.1	Công ty A									
1.2	Công ty B									
<b>2</b>	<b>Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</b>									
2.1	Công ty C									
2.2	Công ty D									

**Nơi nhận:**

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND tỉnh Kon Tum;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum;
- Đăng trên Website Công ty;
- Lưu VT; KT-TC.

**CHỦ TỊCH CÔNG TY**

**Lê Viết Bấy**

